

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST

Ngày: 18-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Huyền Trân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/HSST, ngày 24 tháng 10 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 04-12-2024, đối với bị cáo:

Phan Văn C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982. Tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ trước khi phạm tội: Không có; Trình độ học vấn: 03/12; Họ tên cha: Phan Văn D, sinh năm 1958 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1961 (còn sống); vợ tên Võ Thị Thủy D2, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án: Vào ngày 18/8/2022 bị Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Trà Vinh, tuyên phạt 60.000.000 đồng về tội Tổ chức đánh bạc, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 20/8/2024, chưa được xóa án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/8/2024 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Bà **Từ Thị D3**, sinh năm 1950 (Đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Chị **Nguyễn Thị C2**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khóm X, phường Y, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp V, xã L1, huyện H, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp V, xã L1, huyện H, tỉnh Trà Vinh; Tạm trú: Ấp P1, xã H1, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

4. Anh Nguyễn Minh H2, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khóm B, phường G, thị xã H, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người làm chứng: Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05/3/2024, bị cáo Phan Văn C điều khiển xe mô tô 02 bánh, hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 84H1-224.16 hướng từ thị trấn T, huyện T đi thành phố Tr, trên đoạn đường Quốc lộ 60 thuộc ấp Đ1, xã H3, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi bị cáo điều khiển xe mô tô gần khu vực Công ty trách nhiệm hữu hạn giày da Mỹ Phong thì bị cáo phát hiện bà Từ Thị D3, sinh năm 1950, ngụ ấp V, xã L1, huyện H, tỉnh Trà Vinh (tạm trú tại ấp P1, xã H1, huyện T, tỉnh Trà Vinh), cách xe mô tô của bị cáo khoảng 30 mét, đang đi bộ từ lề phải sang lề trái theo hướng điều khiển của bị cáo. Khi đó, bị cáo giảm tốc độ thì bà D3 đã đi bộ đến khu vực gần giữa lộ nhựa thì có một xe ô tô đi cùng chiều phía sau bị cáo vượt lên bên trái của bị cáo và chạy ngang mặt bà D3. Lúc này, bà D3 dừng lại và lùi lại về phía sau khoảng 0,7 mét. Cùng lúc này, xe mô tô do bị cáo điều khiển đến, phần tay cầm bên trái va chạm vào người bà D3, làm bà D3 bị té ngã xuống lộ nhựa bất tỉnh, riêng xe mô tô do bị cáo điều khiển ngã và trượt về phía trước một đoạn thì dừng lại. Sau đó, bị cáo cùng gia đình bà D3 đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực T, sau đó chuyển tiếp đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị. Do bị thương nặng nên gia đình bà D3 xin đưa về nhà, đến khoảng 01 giờ 10 phút ngày 06/3/2024 thì tử vong. Riêng bị cáo chỉ bị xây xước nhẹ.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Đội cảnh sát giao thông, trật tự Công an huyện T và cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám nghiệm hiện trường. Theo biên bản khám nghiệm hiện trường và biên bản dựng lại hiện trường thì đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường bê tông nhựa, thuộc khu vực đường thẳng, tầm nhìn không bị che khuất, có vạch kẻ đường nét đứt giữa tim đường, có đèn chiếu sáng công cộng, mặt đường rộng 14,40 mét, đoạn đường có biển báo nguy hiểm 221b mặt đường gồ ghề không bằng phẳng. Mép đường chuẩn được xác định theo hướng từ thị trấn T, huyện T về hướng thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh. Điểm mốc cố định được xác định làm vật chuẩn là trụ điện ký hiệu số 69A và trụ điện ký hiệu số 70.

Sau khi tai nạn xảy ra, tại hiện trường ghi nhận các vị trí sau:

Vị trí (1) Vết cày nông kích thước (1,95 x 0,002 x 0,001m), có chiều hướng từ thị trấn T về hướng thành phố Tr. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 4,40 mét, cách trụ điện ký hiệu 69A là 17,40 mét và cách trụ điện ký hiệu số 70 là

34,10 mét. Điểm cuối vết cày cách mép đường chuẩn là 4,35 mét và cách đầu vết cày (2) kích thước (2 x 0,002 x 0,001m) là 1,15 mét.

Vị trí (2) Vết cày nông kích thước (2 x 0,002 x 0,001m), có chiều hướng từ thị trấn T về hướng thành phố Trà Vinh. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 4,35 mét, điểm cuối vết cày cách mép đường chuẩn là 04 mét, cách tâm vết cày (3) có kích thước (0,05 x 0,001m) là 0,12 mét và cách tâm vết cày (4) có kích thước (0,05 x 0,001m) là 0,24 mét.

Vị trí (3) Vết cày có kích thước (0,05 x 0,001m) có dạng chấm tròn: Tâm vết cày cách mép đường chuẩn là 3,95 mét và cách tâm vết cày (4) là 0,37 mét.

Vị trí (4) Vết cày có kích thước (0,05 x 0,001m) có dạng chấm tròn: Tâm vết cày cách mép đường chuẩn là 4,35 mét.

Vị trí (5) là vị trí bị cáo C đang điều khiển xe mô tô nhìn thấy nạn nhân, cách mép đường chuẩn là 3,55 mét, cách trụ điện ký hiệu số 69A là 15,20 mét, cách vết cày (1) là 19,35 mét, cách vị trí nạn nhân D3 đang đứng nhường đường cho xe ô tô (6) là 18,65 mét.

Vị trí (6) là vị trí nạn nhân D3 đứng nhường đường cho xe ô tô cách mép đường chuẩn là 5,60 mét, cách trụ điện ký hiệu số 69A là 17,60 mét, cách nạn nhân D3 đứng va chạm với xe mô tô (7) là 0,70 mét.

Vị trí (7) là vị trí nạn nhân D3 đứng và va chạm với xe mô tô, cách mép đường chuẩn là 05 mét, cách trụ điện ký hiệu số 69A là 17,20 mét, cách đầu vị trí (1) là 1,05 mét, cách vị trí tâm xe mô tô khi va chạm với nạn nhân D3 là 0,45 mét, cách vị trí nạn nhân D3 ngã trên lộ nhựa sau khi va chạm (9) là 1,30 mét.

Vị trí (8) vị trí tâm xe mô tô khi va chạm với nạn nhân D3 cách mép đường chuẩn là 4,75 mét, cách trụ điện ký hiệu số 69A là 16,80 mét, cách vết cày (1) là 1,3 mét, cách nạn nhân D3 (9) là 1,75 mét.

Vị trí (9) là vị trí nạn nhân D3 ngã trên lộ nhựa cách mép đường chuẩn là 5,95 mét, cách trụ điện ký hiệu số 69A là 18,45 mét

Khu vực đựng nằm trên phần đường bên phải hướng từ thị trấn T, huyện T về hướng thành phố Tr, cách mép đường chuẩn là 05 mét, cách trụ điện ký hiệu số 69A là 17,20 mét, cách trụ điện ký hiệu 70 là 34,40 mét, cách vết cày (1) là 1,05 mét, cách tâm xe mô tô, biển số 84H1-224.16 là 0,45 mét, cách nạn nhân D3 là 1,30 mét.

Tại kết luận giám định pháp y về tử thi số 115/KLGĐTT-KTHS ngày 15/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Bầm tụ máu nhiều vị trí trên cơ thể, vết mổ lâm sàng vùng bán cầu trái.
- Khuyết xương sọ vùng trán cầu trái, màng cứng được khâu treo; tụ máu dưới màng cứng và giập, xuất huyết nhu mô não vùng bán cầu trái.

2. Kết luận: Qua giám định tử thi Từ Thị D3, căn cứ vào tổn thương trên đại thể, kết luận nguyên nhân tử vong là do chấn thương sọ não nặng.

Tại kết luận giám định số 412/KL-KTHS ngày 13/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Không đủ cơ sở kết luận xe mô tô biển số 84H1-224.16 có va chạm với bà Từ Thị D3.

Quá trình xác minh, điều tra xác định lỗi các bên như sau:

Đối với bị cáo Phan Văn C điều khiển xe mô tô trên đoạn đường ấp Đ1, xã H3, có biển báo nguy hiểm do không chú ý quan sát nhường đường cho người đi bộ đã va chạm vào bà Từ Thị D3 đang đi bộ qua đường cùng chiều phía trước, dẫn đến bà D3 té ngã bị thương nặng và tử vong. Hành vi của bị cáo C đã vi phạm vào khoản 1 và khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật giao thông đường bộ quy định: “Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Tại khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ quy định: “Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường. Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn”.

Đối với bà Từ Thị D3 đi bộ qua đường tại đoạn đường không có vạch kẻ đường cho người đi bộ nhưng không chú ý quan sát nên hành vi của bà D3 đã vi phạm khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ.

Tại khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ quy định: “Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường”.

Vì vậy, bị cáo Phan Văn C và bà Từ Thị D3 đều có lỗi trong vụ tai nạn giao thông trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn C khai đã mô tả lại hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên như quyết định truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; 50, 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù được tính kể ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phan Văn C nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) xe mô tô 02 bánh, hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 84H1-224.16, màu đỏ đen, có số máy 5C6K214909 và số khung C6K0FY214901, kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004664, 01 (một) căn cước công dân số 084082003071, 01 (một) giấy

phép lái xe hạng A1, đều mang tên Phan Văn C. Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu trả lại 01 (một) xe mô tô 02 bánh, hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 84H1-224.16, màu đỏ đen, có số máy 5C6K214909 và số khung C6K0FY214901, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004664, 01 (một) căn cước công dân số 084082003071, đều mang tên Phan Văn C cho bị cáo Phan Văn C theo quy định pháp luật nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Phan Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của bà Từ Thị D3 yêu cầu bị cáo Phan Văn C bồi thường các khoản chi phí với số tiền 72.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên đề nghị không xem xét.

Đối với xe mô tô, biển số 84H1-224.16 khi bị cáo điều khiển tham gia giao thông gây tai nạn thì không có tham gia trách nhiệm bảo hiểm nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Chị Nguyễn Thị T1 có ý kiến xin cho bị cáo được hưởng án treo hoặc xử hình phạt tiền để bị cáo ở ngoài đi làm lo cho gia đình. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là Nguyễn Thị C2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra có đơn yêu cầu xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và bị cáo đã bồi thường số tiền 72.000.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị C2, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Minh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh T2 vắng mặt, nhưng những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định. Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan C sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận T2 bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có người quyền nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường cũng như các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05/3/2024, bị cáo Phan Văn C có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô 02 bánh, hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 84H1-224.16, màu đỏ đen, hướng từ thị trấn T, huyện T về hướng thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh. Khi bị cáo điều khiển xe mô tô đến đoạn đường Quốc lộ 60 thuộc ấp Đ1, xã H3, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do bị cáo điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát nên đã va chạm vào bà Từ Thị D3 đang đi bộ từ lề phải sang lề trái theo hướng bị cáo điều khiển xe mô tô. Hậu quả, làm bà D3 té ngã, bị thương nặng đến ngày 06/3/2024 thì tử vong. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 48/CT-VKSTC-HS, ngày 22/10/2024 truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, điều khiển xe mô tô trên đoạn đường ấp Đ1, xã H3 có biển báo nguy hiểm do không chú ý quan sát nhường đường cho người đi bộ đã va chạm vào bà Từ Thị D3 đang đi bộ qua đường cùng chiều phía trước, dẫn đến bà D3 té ngã bị thương nặng và tử vong. Hành vi của bị cáo Phan Văn C đã vi phạm vào khoản 1 và khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật giao thông đường bộ quy định: “Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Tại khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ quy định: “Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường. Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn”.

[4] Đối với bà Từ Thị D3 đi bộ qua đường tại đoạn đường không có vạch kẻ đường cho người đi bộ nhưng không chú ý quan sát nên hành vi của bà D3 đã vi phạm khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ.

Tại khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ quy định: “Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường”.

Vì vậy, bị cáo Phan Văn C và bà Từ Thị D3 đều có lỗi trong vụ tai nạn giao thông trên.

[5] Trong tình hình hiện nay tai nạn giao thông trên địa bàn huyện T xảy ra liên tục với tính chất và mức độ nguy hiểm ngày càng nghiêm trọng, gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản của nhân dân, nguyên nhân do người tham gia giao thông không chấp hành pháp luật như hành vi của bị cáo. Để góp phần đấu tranh ngăn ngừa tội phạm, nhằm ổn định trật tự an toàn giao thông đường bộ, Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo một mức án tù tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo cho việc cải tạo giáo dục bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trình độ học vấn thấp, bị cáo có ông ngoại tên Nguyễn Văn B1 được tặng kỷ niệm chương, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả xong, đại diện hợp pháp của bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân không tốt, bị cáo có 01 (một) tiền án về tội Tổ chức đánh bạc, bị Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Trà Vinh, tuyên phạt 60.000.000 đồng, bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích nên việc người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp với quy định pháp luật, đối chiếu với Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo. Riêng yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy trong lần phạm tội Tổ chức đánh bạc, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện C1 áp dụng hình phạt tiền nhưng bị cáo không chấp hành, đến lần phạm tội này bị cáo mới chấp hành hình phạt. Xét thấy, tiếp tục áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo không đảm bảo sức răn đe đối với bị cáo. Đồng thời, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử hình phạt tù dưới mức thấp của khung hình phạt theo mức phạt tù mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phan Văn C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan C sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu: Trả lại 01 (một) xe mô tô 02 bánh, hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 84H1-224.16, màu đỏ

đen, có số máy 5C6K214909 và số khung C6K0FY214901, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004664, 01 (một) căn cước công dân số 084082003071, đều mang tên Phan Văn C cho bị cáo Phan Văn C theo quy định pháp luật nên không đặt ra xem xét.

Đối với 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phan Văn C của bị cáo, cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo theo quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bà Từ Thị D3 yêu cầu bị cáo Phan Văn C bồi thường các khoản chi phí với số tiền 72.000.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường xong. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

Đối với xe mô tô, biển số 84H1-224.16 khi bị cáo điều khiển tham gia giao thông gây tai nạn thì không có tham gia trách nhiệm bảo hiểm nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Phan Văn C phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 50, 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn C 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phan Văn C.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phan Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- CA huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm